

**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP  
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

**Áp dụng đối với: Ban Tổ chức tỉnh ủy**

**I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ**

<b>STT</b>	<b>Tên biểu</b>	<b>Ký hiệu biểu</b>	<b>Kỳ báo cáo</b>	<b>Ngày nhận báo cáo</b>
<b>A</b>	<b>B</b>	<b>C</b>	<b>D</b>	<b>E</b>
1	Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng	001.K/T0209-BTC	Nhiệm kỳ	Đầu nhiệm kỳ (Sau 15 ngày công bố Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh/thành phố)



	Mã số	Tổng số (Người)	Cấp ủy cấp trực thuộc Trung ương			Cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở			Cấp ủy cấp cơ sở		
			Tổng số ủy viên (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số ủy viên (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)	Tổng số ủy viên (Người)	Trong đó: Nữ (Người)	Tỷ lệ (%)
A	B	1	2	3	4 = (3:2)x100	5	6	7 = (6:5)x100	8	9	10 = (9:8)x100
- Trên đại học	11										
<b>3. Chia theo nhóm tuổi</b>											
- Từ 30 tuổi trở xuống	12										
- Từ 31 đến 40 tuổi	13										
- Từ 41 đến 50 tuổi	14										
- Từ 51 đến 55 tuổi	15										
- Từ 56 đến 60 tuổi	16										
- Trên 60 tuổi	17										

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Người kiểm tra biểu**  
(Ký, họ tên)

....., Ngày ... tháng ... năm ...  
**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, họ tên)

## **Biểu số 001.K/T0209-BTC: TỶ LỆ NỮ THAM GIA CẤP ỦY ĐẢNG**

### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Cấp ủy viên là đảng viên ưu tú được đại hội đảng viên hoặc đại hội đại biểu từng cấp bầu ra theo nhiệm kỳ và được cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y để thay mặt đảng bộ, chi bộ lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp trên và nghị quyết đại hội. Trường hợp đặc biệt cấp ủy cấp trên trực tiếp có thể chỉ định bổ sung cấp ủy viên cấp dưới theo quy định của Điều lệ Đảng.

Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng là số phần trăm phụ nữ tham gia cấp ủy đảng so với tổng số người tham gia cấp ủy đảng.

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy đảng (\%)} = \frac{\text{Số nữ tham gia các cấp ủy đảng trong nhiệm kỳ xác định}}{\text{Tổng số người tham gia cấp ủy đảng trong cùng nhiệm kỳ}} \times 100$$

### **2. Cách ghi biểu**

Cột A: Ghi các phân tổ theo dân tộc, trình độ học vấn, theo dân tộc và chia theo nhóm tuổi.

Cột 1: Ghi tổng số người tham gia cấp ủy Đảng

Cột 2: Ghi tổng số người tham gia cấp ủy đảng ở cấp ủy trực thuộc Trung ương

Cột 3: Ghi số nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp ủy trực thuộc Trung ương

Cột 4: Ghi tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp ủy trực thuộc Trung ương

Cột 5: Ghi tổng số người tham gia cấp ủy Đảng ở cấp trên cơ sở

Cột 6: Ghi số nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp trên cơ sở

Cột 7: Ghi tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp trên cơ sở

Cột 8: Ghi tổng số người tham gia cấp ủy Đảng ở cấp cơ sở

Cột 9: Ghi số nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp cơ sở

Cột 10: Ghi tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy Đảng ở cấp cơ sở

### **3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Phạm vi toàn tỉnh/thành phố. Số liệu thu thập đầu mỗi nhiệm kỳ (Sau 15 ngày công bố Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh/thành phố)

### **4. Nguồn số liệu**

Ban Tổ chức tỉnh ủy/thành ủy.